

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
Năm 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 0263 505 505
- Số fax: 0263 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

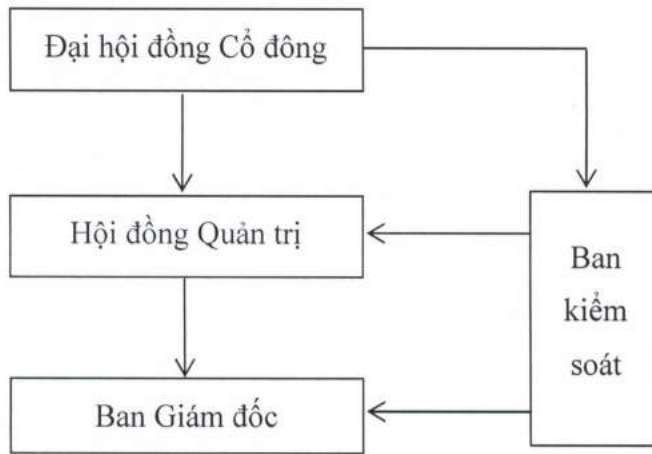
- Khảo sát, thăm dò địa chất các loại khoáng sản (kể cả đá quý và vàng);
- Khai thác, tuyển luyện gia công chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản, vàng, bạc, đá quý, kim loại, phi kim loại, nước khoáng và vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất thủy điện, xây lắp đường dây và trạm trung thế, hạ thế;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai thác và chế biến khoáng sản;

- Trồng, chế biến tiêu thụ: chè đắng, chè dây, một số sản phẩm đặc sản khác;
 - Sản xuất nước uống tinh khiết, nước chè đắng, chè dây và các loại nước giải khát;
 - Chiết suất tinh chất chè đắng, chè dây và các loại thảo dược;
 - Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

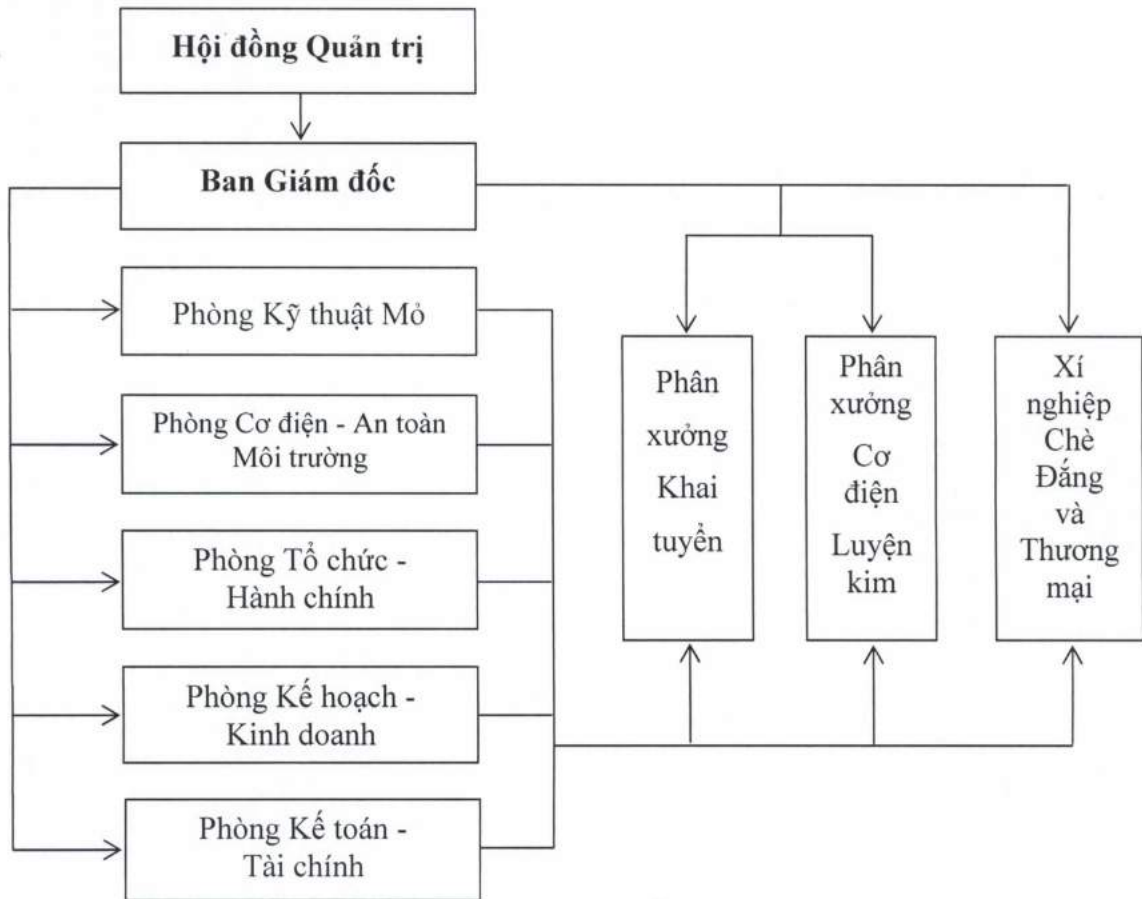
Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
 Thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng
 Xã Trường Hà - Huyện Hà Quảng - Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp 2014



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Sản phẩm Quặng sắt: dừng sản xuất quý I năm 2015
- Sản phẩm tinh quặng thiếc 70% Sn: Sản xuất đạt 335,729/397 tấn bằng 85% so với KH năm và bằng 66% so với cùng kỳ năm 2015.
- Thiếc thỏi 99,75%Sn tinh luyện: Đạt 226,8/265 tấn bằng 85% KH năm và bằng 66% so với cùng kỳ năm 2015.
- Sản phẩm vàng sa khoáng: Sản xuất đạt 8,8957/7 kg, bằng 127% KH năm và bằng 95% so với cùng kỳ năm 2015.
- Sản xuất Ferro Silic 45: sản xuất đạt 318,198 tấn bằng 80% KH năm.
- Sản xuất, phát dẫn điện năng: Đạt 6,084/5,75 triệu Kwh bằng 106% KH năm và bằng 142% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong năm 2016 do giá bán thiếc tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2015 nên mặc dù sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 224,3 tấn, giảm 34,3% so với cùng kỳ năm 2015 nhưng doanh thu vẫn tăng 101% tương đương với 917 triệu đồng so với cùng kỳ năm.

Nguyên nhân chủ yếu làm giảm sản lượng sản phẩm chính của Công ty Thiếc thỏi 99,75% là do sự sụt giảm rất mạnh hàm lượng thiếc trong quặng nguyên khai mỏ Tĩnh Túc giảm 25% so với cùng kỳ 2015, dẫn đến giá thành sản xuất cũng như giá vốn hàng bán thiếc thỏi 99,75% tăng 13,3% tương đương với 28,974 triệu đồng/tấn so với cùng kỳ 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Gồm các ông/bà sau:

Ông Đàm Trung Kỳ - giữ chức danh Giám đốc Công ty từ ngày 01/3/2011 đến 30/6/2016; sở hữu 0,12% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

Ông Nguyễn Minh Tâm - giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 15/11/2010 đến 30/6/2010 và giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 01/7/2016 đến nay; sở hữu 0,04% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

Ông Nguyễn Tiến Hào giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 01/8/2013 đến nay; sở hữu 0,02% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

Thay đổi nhân sự Ban điều hành từ ngày 01/7/2016: Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm Ông Nguyễn Minh Tâm giữ chức vụ Giám đốc Công ty thay ông Đàm Trung Kỳ nghỉ hưởng chế độ hưu trí.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Lao động bình quân năm 2016 là 375 người. CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/).

Công ty đang triển khai thực hiện 2 dự án cụ thể sau:

* Dự án đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập lục phân.

- Công ty đã tiến hành thuê tư vấn lập dự án, tư vấn thẩm định dự án và đã được HĐQT thông qua và quyết định phê duyệt với Tổng mức đầu tư dự án là 47.503 triệu đồng.

- Dự án đã được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo phục hồi môi trường.

- Dự án đã được UBND tỉnh Cao Bằng đã cấp giấy phép khai thác.

- Các hạng mục thực hiện trong năm 2016:

+ Tư vấn lập, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán. Giá trị thực hiện/ giá trị giải ngân 53,182/53,182 triệu đồng.

+ Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: Giá trị thực hiện/giá trị giải ngân 1.956/1.956 triệu đồng.

- Lũy kế thực hiện dự án đến 31/12/2016: 3.099,8/47.503 triệu đồng.

- Lũy kế giải ngân đến 31/12/2016: 3.099,8/47.503 triệu đồng.

* Dự án đầu tư duy trì bổ sung năng lực thiết bị Xí nghiệp thiếc.

- Dự án đã được HĐQT phê duyệt Báo cáo KTKT với tổng mức đầu tư 7.500 triệu đồng.

- Công ty đã tiến hành lập HSMT, tổ chức đánh giá lựa chọn nhà thầu cũng như thương thảo, ký và thực hiện hợp đồng theo quy định.

- Giá trị thực hiện/ giá trị giải ngân 7.389/7.500 triệu đồng và hiện đã được HĐQT phê duyệt quyết toán đầu tư dự án hoàn thành.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	153.625	129.284	-16%
Doanh thu thuần	107.378	92.298	-14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	710	214	-70%
Lợi nhuận khác	-170	10.990	-6565%
Lợi nhuận trước thuế	540	11.204	1975%
Lợi nhuận sau thuế	510	11.204	2097%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<u>Tài sản ngắn hạn</u>	1,11	1,59	
Nợ ngắn hạn			

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,63	0,61	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,44	0,30	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,90	0,45	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	2,92	2,27	
<u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản	0,70	0,71	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0047	0,1214	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0067	0,1291	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0033	0,0867	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0066	0,0023	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 10/4/2017	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2	5.313.726	66,42
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53
2	Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)		2.686.274	33,58
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	1	230.316	2,88
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1038	2.455.958	30,94
Tổng cộng			8.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...

Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Không có

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Sản phẩm chính: Thiếc thỏi 99,75%Sn: 226,8 tấn

- Nguyên liệu chính: Quặng thiếc 70%: 338,16 tấn

Vôi: 17,6 tấn

Fero Silic 75: 12,9 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Nhiên liệu: Than cốc: 37,7 tấn

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Động lực: 408.964 kWh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước: Hồ nước khu Tây - Mỏ Thiếc Tĩnh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng
Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 2.071.679 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 60%: 1.243.000 m³

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng lao động: 375

Mức lương trung bình: 4,68 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc; chính sách về nguyên liệu khu vực xung đột khoáng sản...

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.*

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

Năm 2016, sản lượng sản phẩm chính Thiếc thời 99,75% đạt 226,8/265 tấn bằng 85% kế hoạch năm và bằng 66% so với cùng kỳ năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu ở đây là do sự sụt giảm rất mạnh hàm lượng thiếc trong quặng nguyên khai mỏ Tĩnh Túc giảm 25% so với cùng kỳ 2015, dẫn đến giá thành sản xuất cũng như giá vốn hàng bán thiếc thời 99,75% tăng 13,3% tương đương với 28,974 triệu đồng/tấn so với cùng kỳ 2015, mặc dù chi phí gián tiếp bao gồm: chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý đều giảm và giá bán thiếc thời đã tăng so với cùng kỳ 2015. Điều này đòi hỏi ban điều hành cần xem xét lại công tác quản trị chi phí cũng như quản trị kỹ thuật cơ bản để có giải pháp tháo gỡ phù hợp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm tiếp theo.

Trong năm 2016, bộ phận kinh doanh của Công ty luôn phân tích, đánh giá, bám sát diễn biến giá thị trường LME, nên thường chốt được tại những thời điểm giá tốt nhất. Giá bán thiếc năm 2016 tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2015 nên mặc dù sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 224,3 tấn, giảm 34,3% so với cùng kỳ năm 2015 (năm 2015 tiêu thụ: 343,48 tấn) nhưng doanh thu vẫn tăng 101% tương đương với 917 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2015.

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 11.204 triệu đồng tăng 10.694 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2015 là 509 triệu đồng và tại thời điểm 31/12/2016, công ty đã bù đắp hết số lỗ lũy kế 10.725 triệu đồng năm 2015 và đã có lợi nhuận thực dương là 478 triệu đồng.

Trong kết quả lãi 11,204 tỷ đồng tại BCTC năm 2016 ngoại trừ khoản hoàn nhập 14,647 tỷ đồng khoản trích nộp tiền cơ sở hạ tầng những năm trước đây thì kết quả các mặt hoạt động năm 2016 còn lỗ là 3,443 tỷ đồng. Nếu tiếp tục ngoại trừ khoản chi phí lớn liên quan đến việc tạm dừng khai thác Quặng sắt tại Mỏ sắt Nà Lũng: tiền thuê đất mỏ Nà Lũng: 1.284 triệu đồng; chi phí khấu hao của TSCĐ do đang tạm dừng sản xuất nhưng vẫn phải trích theo quy định là 2.493 triệu đồng thì kết quả hoạt động SXKD chính năm 2016 có lãi là: 3.443-1.284-2.493= 334 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
A- Tình hình tài chính				
I- Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	53.725	68.856	(15.131)
1-Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	8.771	4.594	4.177
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	11.090	34.595	(23.505)
3- Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	33.020	29.664	3.356
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	844	3	841
II- Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	75.559	84.769	(9.210)
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	5.991	5.370	621
2- Tài sản cố định	220 - BCĐKT	54.742	69.122	(14.380)
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	268.460	267.905	555
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(213.718)	(198.783)	14.935
3-Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT	9.963	5.319	4.644
3- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	105	105	-
4- Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	4.758	4.853	(95)
III- Nợ phải trả	300 - BCĐKT	39.025	68.072	(29.047)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
1- Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	33.727	61.878	(28.151)
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	7.033	9.522	(2.489)
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT	23	49	(26)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	3.900	20.285	(16.385)
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	4.323	8.457	(4.134)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	1.709	1.718	(9)
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	603	1.357	(754)
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	10.911	14.106	(3.195)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	5.225	6.384	(1.159)
2- Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	5.298	6.194	(896)
- Phải trả dài hạn khác	337 - BCĐKT	13	13	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 - BCĐKT	5.285	6.181	(896)
IV- Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	90.258	85.552	4.706
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	80.000	80.000	-
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	-
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	-
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT	780	780	-
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	478	(10.726)	11.204
5- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433 - BCĐKT	3.445	9.943	(6.498)
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD	107.751	108.181	(430)
Trong đó: Doanh thu bán hàng		92.299	107.378	(15.079)
Doanh thu hoạt động tài chính		103	41	62
Thu nhập khác		15.349	762	14.587
2- Tổng lãi (+), lỗ (-)	50- BCKQKD	11.204	540	10.664
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60- BCKQKD	11.204	510	10.694
4- Tổng phải nộp ngân sách: trong đó		11.499	30.829	(19.330)
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		10,40%	0,50%	
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu		14,01%	0,64%	
3- Tổng nợ phải trả /Vốn đầu tư của CSH		0,4	0,9	
4- Khả năng thanh toán	lần	3,3	2,3	
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,59	1,11	
6 - Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,59	0,63	

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	42%	45%	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	58%	55%	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty luôn luôn giữ vững khẩu hiệu "An toàn - Kỹ luật - Đồng tâm".

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Công ty triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2016, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Chương trình quan trắc chất lượng môi trường được công ty phối hợp với Trung Tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh thực hiện theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu giám sát chất thải, 2 lần /năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Tại thời điểm nghiệm thu Công ty đã thực hiện quan trắc 4 quý, các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải và kim loại nặng trong đất.

- Nạo vét, cải tạo mương rãnh thoát nước: Công tác nạo vét trong kỳ được thực hiện chủ yếu tại xí nghiệp thiếc nhằm xử lý cặn bùn lửng trong hệ thống hồ lắng thải sau tuyển và hệ thống mương thoát nước khu Tây - Mỏ Thiếc Tĩnh Túc đảm bảo thoát nước trong mùa mưa bão và được thực hiện thường xuyên hơn trong mùa mưa bão.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Trong năm Công ty ký hợp đồng với đơn vị được cấp phép xử lý chất thải nguy hại, do khối lượng phát sinh hàng năm không nhiều nên công tác bàn giao chỉ thực hiện 1 năm 1 lần.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi theo Luật lao động, như đối với các bộ phận liên quan đến ngành nghề nặng nhọc độc hại, Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật đầy đủ cho người lao động; định kỳ hàng năm Công ty tổ chức từng đợt khám sức khỏe cho người lao động ...

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của Công ty. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty là nỗ lực đáng khích lệ trong bối cảnh chung của nền kinh tế và ngành khoáng sản hiện nay. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đã bù đắp số lỗ lũy kế từ các năm trước và tính đến thời điểm 31/12/2016 lợi nhuận sau thuế là 478 triệu đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Với chủ trương bám sát các mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban điều hành phát huy tốt các nguồn lực, nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016
Tổng doanh thu	Triệu đồng	93.367	107.751
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	160	11.204
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	19.319	21.044
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	375	375
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	4,3	4,68
Tổng giá trị đầu tư	Triệu đồng	18.025	9.399

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2017, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do tài nguyên quặng thiếc mỏ Tĩnh Túc cạn kiệt, điều kiện công trường khai thác khó khăn ... Công tác phát triển tài nguyên thực hiện chậm do thay đổi chính sách theo luật khoáng sản mới. Để từng bước tháo gỡ, khắc phục các khó khăn, xây dựng Công ty phát triển bền vững, với các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu đạt 97,27 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 728 triệu đồng

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty có 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nông Minh Huyền - Trợ lý Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Chủ tịch HDQT Công ty; sở hữu 0,63% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Bà Đỗ Thị Mai Hương - Trưởng phòng KHZ Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Thành viên HDQT Công ty; sở hữu 0,12% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Phó chánh Văn phòng Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Thành viên HDQT Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Minh Tâm - Thành viên HDQT - Giám đốc Công ty; sở hữu 0,04% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Tiến Hào Thành viên HDQT - Phó giám đốc Công ty; sở hữu 0,02% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Năm 2016 thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 12 phiên họp, ban hành 14 Nghị quyết để giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành

Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế sản xuất của Công ty, có sự đồng thuận rất cao và là sự kết hợp trí tuệ của mỗi thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị còn tham gia ban điều hành trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó các cuộc hội ý, trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị diễn ra thường xuyên, Hội đồng quản trị còn tổ chức các cuộc họp mở rộng với Ban điều hành, đại diện Ban kiểm soát Công ty nhằm nắm bắt rõ ràng các vấn đề của Công ty để có các quyết sách hợp lý nhất, đặc biệt là công tác sản xuất tại mỏ thiếc Tĩnh Túc và công tác đầu tư phát triển.

Các nội dung quan trọng Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2016 như sau:

- Phê duyệt vay vốn tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh 2016
- Thông qua Báo cáo KQKD hàng quý và nhiệm vụ thực hiện kế hoạch của quý tiếp theo.
- Bổ nhiệm Giám đốc Công ty
- Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng; Quy chế quản lý công tác cán bộ; Quy chế Tuyển dụng, Đào tạo và nâng bậc lương.
- Thông qua quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2025.
- Thông qua Phương án Tổ chức, quản lý, định biên lao động và cán bộ chủ chốt Công ty
- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Đầu tư duy trì bổ sung năng lực thiết bị Xí nghiệp Thiếc thuộc dự án Đầu tư duy trì bổ sung năng lực thiết bị Xí nghiệp Thiếc.
- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập lục phân.
- Thông qua Đề cương Tổng hợp, bổ sung công tác nghiên cứu Địa chất thủy văn - Địa chất công trình mỏ thiếc Nậm Kép.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;
- Ông Hà Ngọc Bình - Thành viên BKS; đại diện 14,53% số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Bà Mai Hạnh Duyên - Thành viên BKS; sở hữu 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 01 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên còn lại vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công;

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Mức thù lao của các thành viên HĐQT và BKS năm 2016 :

TT	Chức danh	Số người	Tiền phụ cấp đồng/người/ tháng	Tổng cộng đồng/năm
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch	01	2.400.000	28.800.000
2	Thành viên	04	2.100.000	100.800.000
II	Ban kiểm soát			
3	Trưởng ban	01	2.100.000	25.200.000
4	Thành viên	02	1.900.000	45.600.000
	Cộng			200.400.000

Tiền lương Ban giám đốc năm 2016:

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương đồng/người/ tháng	Tổng cộng đồng/năm
1	Giám đốc	01	18.480.000	221.760.000
2	Phó giám đốc	01	15.240.000	182.880.000
	Cộng			404.640.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính đăng trên Website: <http://cmamc.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM CAO BẰNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tâm

Nguyễn Minh Tâm